



DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

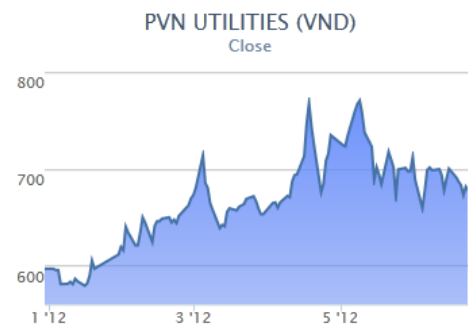
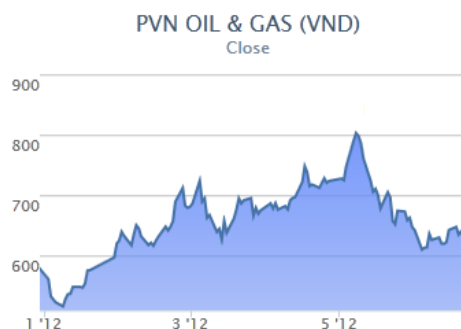
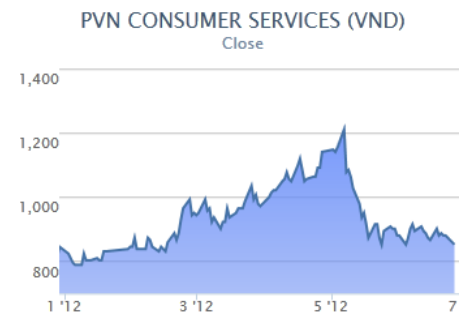


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	809.87	↓ -6.15	↓ -0.75
PVN All-Share Continuous	677.45	↓ -4.39	↓ -0.64
PVN All-Share	659.11	↓ -4.09	↓ -0.62
PVN All-Share HSX	696.47	↓ -2.9	↓ -0.41
PVN All-Share HNX	609.93	↓ -6.98	↓ -1.13
PVN Vật Liệu Cơ Bản	985.51	↓ -8.7	↓ -0.87
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	852.11	↓ -7.04	↓ -0.82
PVN Tài Chính	629.31	↓ -8.08	↓ -1.27
PVN Công Nghiệp	519.97	↓ -14.19	↓ -2.66
PVN Dầu Khí	621.84	↑ 7.09	↑ 1.15
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	664.86	↓ -5.2	↓ -0.78

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Gía trị	Thay đổi	± %
VN-Index	419.20 ↓	-4.90	-1.16%
KLGD (triệu ck)	50.51 ↓	-11.48	-18.52%
GTGD (tỷ đồng)	744.86 ↓	-214.21	-22.34%
Tổng cung (triệu ck)	164.43 ↓	-7.15	-4.17%
Tổng cầu (triệu ck)	166.13 ↑	4.43	2.74%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.94 ↓	-0.28	-5.41%
KL bán (triệu ck)	3.82 ↑	1.88	96.42%
Giá trị mua (tỷ đồng)	104.99 ↑	1.37	1.32%
Giá trị bán (tỷ đồng)	97.67 ↑	48.58	98.95%

Nhận định thị trường:

Các nhà phân tích kinh tế Liên hợp quốc và quốc tế cảnh báo các nền kinh tế châu Á hiện đang đứng trước nguy cơ suy giảm mới trong bối cảnh châu lục này không còn ở vị thế thuận lợi như trước cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 để có thể phục hồi mạnh mẽ các hoạt động kinh tế.

Đến ngày 30/06, Cộng hòa Síp cần huy động ít nhất 1.8 tỷ EUR, tương đương 10% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), để đáp ứng quy định của các nhà điều hành châu Âu về sức khỏe của Cyprus Popular Bank – ngân hàng với bảng cân đối kế toán bị tác động nặng nề bởi nợ xấu của Hy Lạp.

Trong một bài phỏng vấn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống Kê cho rằng thực ra một tháng CPI giảm, nhưng so với cùng kỳ nó vẫn ở mức 6,9%, không phải thấp. Theo đó thấy rằng có thể tháng sau, CPI tiếp tục giảm thì cũng không phải có gì phải quá lo lắng. Về mặt lý thuyết, nếu chỉ số CPI giảm liên tục từ 6-7 tháng mới có thể coi là giảm phát.

Trong thời gian gần đây, lãi suất liên ngân hàng lại có chiều hướng tăng mạnh và hiện đang dao động quanh mức tương đương với trần lãi suất huy động. Một trong những nguyên dẫn tới tình trạng này có khả năng vẫn do một số ít ngân hàng đang có nhu cầu vay ngắn hạn khá cao, tuy nhiên nguồn huy động trên thị trường I (tiền gửi tiết kiệm) không tiềm năng do mức lãi suất đã giảm xuống thấp; hơn nữa, Lãi suất trên thị trường II (liên ngân hàng) mặc dù có tăng nhưng vẫn xoay quanh mức trần lãi suất huy động và điều kiện cho vay đã nới lỏng hơn trước nên các NHTMCP đang có xu hướng lựa chọn kênh này.

VN-Index và HNX-Index lần lượt xác lập các kênh giá giảm ngắn hạn mà theo đó chỉ số hai sàn sẽ tiếp tục có nguy cơ giảm điểm. Trong những phiên sắp tới, khi VN-index kiểm chứng 411 điểm và HNX-Index về vùng 70 điểm thì có khả năng cao sẽ xuất hiện lực cầu bắt đáy và có thể khiến chỉ số thị trường phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên căn cứ nhiều hơn vào những dấu hiệu phục hồi của thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn. Nếu dòng tiền không được cải thiện thì rủi ro giảm giá vẫn rất lớn.

Công Ty CPCM Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	71.10	↓ -0.70	-0.97%
KLGD (triệu ck)	47.83	↑ 5.35	12.59%
GTGD (tỷ đồng)	445.76	↑ 23.92	5.67%
Tổng cung (triệu ck)	58.26	↓ -5.49	-8.60%
Tổng cầu (triệu ck)	57.03	↑ 4.01	7.57%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.97	↑ 0.30	45.49%
KL bán (triệu ck)	1.72	↑ 1.24	253.74%
Giá trị mua (tỷ đồng)	14.61	↑ 4.67	46.98%
Giá trị bán (tỷ đồng)	17.46	↑ 11.96	217.54%



Đồ thị HNX-Index.

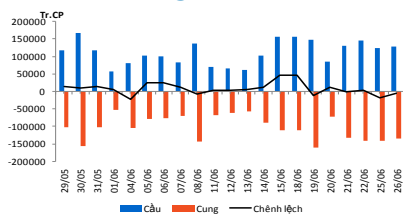
Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Xu thế giảm đang mạnh lên, tín hiệu break down xuất hiện trên chỉ số. Ngưỡng 70 điểm có khả năng xuất hiện lực cầu bắt đáy...

- KLGĐ tiếp tục tăng nhẹ, sàn HNX bắt đầu xuất hiện chút lực cầu bắt đáy khi tiến sát tới vùng 70 điểm. Tuy nhiên đây là một hỗ trợ yếu, chỉ có tác dụng hỗ trợ trong trường hợp HNX-Index thiết lập trạng thái sideway mà điều này không chắc chắn ở thời điểm hiện tại.
- ADX đang tăng dần tới 18, RSI (14) giảm về 39 là những tín hiệu cho thấy xu thế giảm đang mạnh lên nhanh chóng và sắp thiết lập một trạng thái xu thế giảm mạnh.
- HNX-Index đang bám theo 1 kênh xu thế giảm. Nếu mất 70 điểm, HNX-Index có chiều hướng tiếp tục giảm về vùng hỗ trợ 66 điểm, tương ứng với đáy kênh dao động.

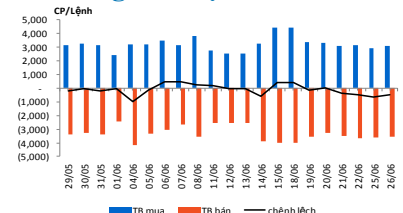
Chỉ số HNX-index đang dần đi vào xu thế giảm và các tín hiệu kỹ thuật thể hiện trạng thái tiêu cực. Trong những phiên tới, chỉ số HNX-Index có sẽ kiểm chứng hỗ trợ 70 điểm và có khả năng xuất hiện lực cầu bắt đáy cũng như sự phục hồi nhẹ trên sàn. Tuy nhiên 70 điểm chỉ là một hỗ trợ yếu, không có ý nghĩa trong xu thế giảm mà chỉ mang tính chất giới hạn khoảng biến động nếu HNX-Index thiết lập thành công trạng thái sideway. NĐT chưa nên tham gia vào thị trường.

HSX:

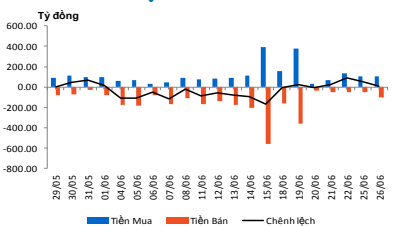
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

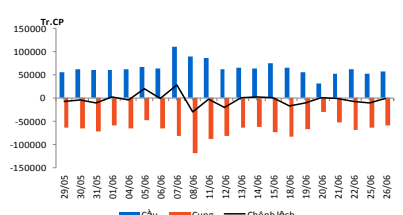


Giao dịch NĐTNN

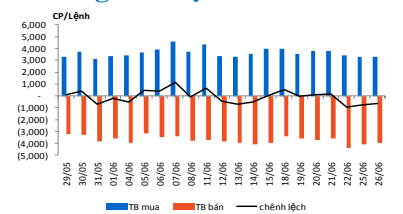


HNX:

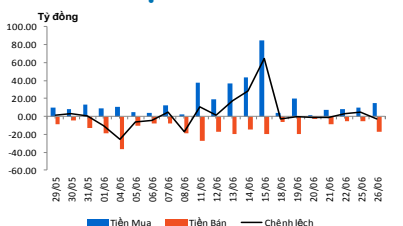
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Chỉ số VN-Index mở cửa giảm mạnh về 419 điểm do ảnh hưởng của các mã bluechips giao dịch dưới giá tham chiếu, đặc biệt VIC giảm sàn...

Cầu bắt đáy đã xuất hiện ở nửa cuối phiên giao dịch buổi sáng, nhưng lực cầu quá yếu không đủ sức đảo ngược tình thế. Ảnh hưởng lớn nhất đến thị trường là các nhóm cổ phiếu hạng vừa và nhỏ. Các nhóm này làm VN-Index mất 4.09 điểm, tương ứng 0.96% xuống 420.03 điểm. Thanh khoản vẫn tiếp tục xấu khi có gần 34 triệu đơn vị chuyển nhượng tại HOSE, tương đương 498 tỷ đồng. STB và ITA có giao dịch mạnh nhất với hơn 1.5 triệu đơn vị mỗi mã. EIB cũng bất ngờ tăng giá nhẹ với giao dịch hơn 1 triệu đơn vị.

VNI-Index đóng cửa ngày 26/06 ở 419.19 điểm, giảm 4.93 điểm tương đương 1.16%. Toàn sàn chỉ có 9 mã trần, 25 mã đứng giá trong khi đó có gần 119 mã giảm và hơn 80 mã giảm sàn.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Sàn HNX, chỉ số cùng tiếp tục xu hướng đi xuống sau khi phá vỡ ngưỡng hỗ trợ 73 điểm. Hầu hết các mã trụ cột ở sàn này đều đứng yên hoặc giảm nhẹ, riêng SCR bật tăng trên 3% sau thông tin Chủ tịch HĐQT tăng tỷ lệ sở hữu lên 24.9%.

Kết thúc phiên sáng, HNX cũng chỉ đạt 24.8 triệu đơn vị, trị giá gần 238 tỷ đồng, trong đó PVX, VND, SCR... có giao dịch lớn nhất với tổng cộng hơn 4.5 triệu đơn vị. Đặc biệt là việc SCR tăng giá 5.15% lên 10,200 đồng/cp, trong phiên có lúc SCR tăng trần với dư mua áp đảo.

HNX-Index cuối phiên, lực cầu bắt đáy thành công trong việc hỗ trợ mốc tâm lý 70, kết phiên ở 71.11, giảm 0.69 điểm tương đương 0.96%. Toàn sàn có 128 mã giảm và hơn 70 mã sàn.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 5 cổ phiếu tăng giá, 4 cổ phiếu đứng giá và 19 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PFL (tăng 5,88%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PVR (giảm 6,45%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,81% và tổng khối lượng giao dịch đạt 11,176 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 26/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,000.0	1,000	↓ -5.66	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,600.0	14,700	↑ 2.86	0.35	32.73	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,800.0	268,700	↓ -5.88	0.28	0.47	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,400.0	695,900	↓ -2.28	1.76	1.42	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	11,700.0	184,000	↓ -3.31	1.09	7.41	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	100	↑ 5.77	0.50	3.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	191,200	↓ -1.92	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	14,200.0	116,300	↓ -4.70	0.85	2.12	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,900.0	76,050	↓ -3.54	1.91	4.98	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,000.0	480,800	↓ -4.35	0.71	7.91	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,800.0	57,608	↑ 1.08	0.81	9.49	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,800.0	3,700	↓ -6.45	0.56	2.72	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,400.0	1,205,250	→ 0.00	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,600.0	3,966,756	↓ -1.03	0.42	3.61	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,900.0	107,410	→ 0.00	3.06	12.15	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,000.0	391,720	↓ -0.87	2.03	5.49	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	49,860	↓ -2.62	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,400.0	127,260	→ 0.00	0.72	6.13	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,100.0	295,710	↓ -0.82	0.69	2.98	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,500.0	570	↑ 0.30	1.64	4.73	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,900.0	235,680	↓ -3.92	0.48	3.80	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,500.0	451,800	↑ 2.90	1.20	6.97	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,100.0	925,880	↓ -1.63	1.06	15.32	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,200.0	777,660	↓ -3.70	0.53	47.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,300.0	206,010	↓ -4.55	0.60	4.20	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,000.0	74,490	→ 0.00	0.54	3.13	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,100.0	233,760	↓ -4.72	0.76	3.03	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,300.0	36,580	↓ -1.56	0.58	4.14	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,400	22,300	-0.45	55,204,103
VIC	85,000	85,000	0.00	39,951,215
SSI	21,400	20,700	-3.27	40,858,957
EIB	18,200	18,300	0.55	39,570,549
REE	15,700	15,700	0.00	22,687,500

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,900	10,500	-3.67	38,562
PVX	9,700	9,600	-1.03	38,316
VCG	11,500	11,300	-1.74	24,939
SCR	9,700	10,300	6.19	22,310
KLS	9,900	9,600	-3.03	21,447

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
FBT	12,000	12,600	600	5.00
BCI	22,100	23,200	1,100	4.98
CNT	8,700	9,100	400	4.60
LGC	15,400	16,100	700	4.55
HAI	17,800	18,600	800	4.49

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VMC	17,400	18,600	1,200	6.90
NBP	14,500	15,500	1,000	6.90
ALT	10,300	11,000	700	6.80
HMH	14,500	15,400	900	6.21
SCR	9,700	10,300	600	6.19

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,700	1,600	-100	-5.88
NVT	4,000	3,800	-200	-5.00
HSI	8,000	7,600	-400	-5.00
VNG	6,000	5,700	-300	-5.00
TTP	30,100	28,600	-1,500	-4.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
UNI	10,000	9,300	-700	-7.00
NGC	8,600	8,000	-600	-6.98
SDS	4,300	4,000	-300	-6.98
CVN	7,200	6,700	-500	-6.94
KTS	39,500	36,800	-2,700	-6.84

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
REE	13,951	VIC	27,510
PVD	13,044	STB	12,190
DPM	10,466	EIB	5,900
EIB	7,634	VSH	5,884
KDC	6,133	BVH	5,667

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	4,882	VND	6,417
DBC	4,704	KLS	3,093
DHL	1,957	BVS	1,542
PGS	425	IVS	1,188
PVG	274	AAA	1,028

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339